

**PHỤ LỤC 03**  
**BẢNG TỔNG HỢP XỬ LÝ NGUỒN THU DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH SAU KIẾN NGHỊ**  
(Kèm theo Kết luận số 36/KL-TTr ngày 23/10/2024 của Chánh Thanh tra Sở Tài chính)

ĐVT: Đồng

| STT        | Nội dung                                                                                             | Báo cáo quyết toán    | Số kiểm tra           | Chênh lệch            | Nguyên nhân                                                                                                                                               |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A          | B                                                                                                    | 1                     | 2                     | 3=2-1                 | 4                                                                                                                                                         |
| <b>I</b>   | <b>Thu trong năm</b>                                                                                 | <b>27.241.488.387</b> | <b>27.241.488.387</b> | <b>0</b>              |                                                                                                                                                           |
| 1          | Cơ quan BHXH thanh toán, quyết toán nguồn thu KCB BHYT năm 2021                                      | 1.605.960.920         | 1.605.960.920         | 0                     |                                                                                                                                                           |
| 2          | Cơ quan BHXH thanh toán, quyết toán nguồn thu KCB BHYT năm 2023.                                     | 22.754.670.547        | 22.754.670.547        | 0                     |                                                                                                                                                           |
| 3          | Thu từ bệnh nhân chi trả năm 2023                                                                    | 2.880.856.920         | 2.880.856.920         | 0                     |                                                                                                                                                           |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn thu được sử dụng năm 2023</b>                                                               | <b>27.241.488.387</b> | <b>27.241.488.387</b> | <b>0</b>              |                                                                                                                                                           |
| <b>III</b> | <b>Số chi quyết toán trong năm 2023</b>                                                              | <b>24.950.125.538</b> | <b>24.950.125.538</b> | <b>0</b>              |                                                                                                                                                           |
| 1          | Chi phí kết cấu vào giá dịch vụ KCB                                                                  | 23.618.895.078        | 23.618.895.078        | 0                     |                                                                                                                                                           |
| 1.1        | Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương                                                      | 15.285.340.331        | 15.285.340.331        |                       |                                                                                                                                                           |
| 1.2        | Chi phí điện, nước                                                                                   | 1.127.638.988         | 1.127.638.988         | 0                     |                                                                                                                                                           |
| 1.3        | Chi phí thuốc, hóa chất, vật tư y tế                                                                 | 5.028.258.306         | 5.028.258.306         | 0                     |                                                                                                                                                           |
| 1.4        | Chi phí văn phòng phẩm                                                                               | 81.907.500            | 81.907.500            | 0                     |                                                                                                                                                           |
| 1.5        | Chi phí duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế, sửa chữa công cụ, dụng cụ,...                      | 975.136.055           | 975.136.055           | 0                     |                                                                                                                                                           |
| 1.6        | Chi phí xử lý chất thải, vệ sinh môi trường                                                          | 83.462.578            | 83.462.578            | 0                     |                                                                                                                                                           |
| 1.7        | Phụ cấp thường trực, phụ cấp thủ thuật                                                               | 779.637.000           | 779.637.000           | 0                     |                                                                                                                                                           |
| 1.8        | Trang phục, bảo hộ lao động                                                                          | 257.514.320           | 257.514.320           | 0                     |                                                                                                                                                           |
| 2          | Các khoản chi khác liên quan đến hoạt động thường xuyên, hoạt động phục vụ cho chuyên môn. Trong đó: | 1.331.230.460         | 1.331.230.460         | 0                     |                                                                                                                                                           |
|            | Chi tiếp khách                                                                                       | 46.725.000            | 46.725.000            | 0                     |                                                                                                                                                           |
| <b>IV</b>  | <b>Chênh lệch thu - chi</b>                                                                          | <b>2.291.362.849</b>  | <b>2.291.362.849</b>  | <b>0</b>              |                                                                                                                                                           |
| <b>V</b>   | <b>Trích nguồn CCTL (35%)</b>                                                                        | <b>0</b>              | <b>1.267.907.658</b>  | <b>1.267.907.658</b>  | Bệnh viện chưa tính 35% nguồn thu KCB được để lại để tạo nguồn CCTL theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính. |
| <b>VI</b>  | <b>Nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh còn lại cuối năm 2023 sau khi đã trích nguồn CCTL (IV-V)</b>    | <b>2.291.362.849</b>  | <b>1.023.455.191</b>  | <b>-1.267.907.658</b> |                                                                                                                                                           |